Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP): Những kỳ vọng và tác động đối với Việt Nam

Đỗ Đức Bình*, Nguyễn Tiến Long, Hồ Trung Thành*****

TPP là một Hiệp định thương mại tự do tiêu chuẩn cao với phạm vi điều chỉnh rộng bao gồm tất cả các lĩnh vực như thương mại hàng hoá, thương mại dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ, lao động, môi trường, nguồn gốc xuất xứ, mua sắm chính phủ…Các thành viên TPP kỳ vọng rằng, với mẫu hình chất lượng cao (theo kiểu WTO+…), TPP sẽ đem lại lợi ích to lớn và bền vững cho các quốc gia tham gia (trong đó có Việt Nam) đồng thời thúc đẩy nhanh hơn quá trình tự do hoá toàn cầu. Bài viết chỉ ra các mức độ sẽ thoả thuận cam kết chủ yếu trong TPP, những kỳ vọng về tận dụng tốt cơ hội, tác động tích cực và hạn chế những thách thức, tiêu cực khi tham gia TPP đối với Việt Nam.

Từ khoá: TPP, kỳ vọng, thách thức và tác động tiêu cực.

1. Khái quát một số nội dung đàm phán cụ thể trong TPP

Vào tháng 10/2002, có 4 nước tham gia TPP, đó là Singapo, Chi Lê, Niuziland và Brunei. Tiếp sau đó, vào tháng 9/2008 tại phiên họp ở Pêru, Hoa Kỳ quyết định tham gia đàm phán TPP. Tháng 11/2008, Pêru và Úc tuyên bố tham gia TPP. Đầu năm 2009, Việt Nam được các nước đang đàm phán tham gia TPP mời tham gia với tư cách thành viên không liên kết. Tháng 11/2010, tại Nhật Bản, Việt Nam và Malaysia chính thức tham gia đàm phán TPP. Tháng 10/2012 Mêhicô tham gia và tháng 12/2012, tại vòng đàm phán thứ 15, Canađa chính thức tham gia. Đầu năm 2013, Nhật Bản tham gia đàm phán TPP và do đó đã nâng số đối tác tham gia đàm phán TPP lên số 12 quốc gia. Cho đến tháng 1/2014, Hiệp định TPP đã trải qua 19 phiên đàm phán và các thành viên đều muốn kết thúc đàm phán vào đầu năm 2014 nhưng hiện tại vẫn còn nhiều bất đồng trong đàm phán.

Một số nội dung đàm phán cụ thể trong TPP gồm thương mại hàng hoá, thương mại dịch vụ, quy tắc xuất xứ, hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT), biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS), đầu tư, mua sắm chính phủ, sở hữu trí tuệ, phòng vệ thương mại, vấn đề lao động và công đoàn, thương mại và môi trường và một số vấn đề khác như thoả thuận hợp tác hải quan, hợp tác và nâng cao năng lực,…

2. Các mức độ đã và sẽ cam kết trong TPP

2.1. Cam kết chung

Đây là vấn đề mang tính nguyên tắc cho việc thiết kế và sẽ đàm phán hiệp định TPP. Đây là mô hình mới về hội nhập và hợp tác kinh tế khu vực, có khả năng xử lý các vấn đề mới trong tương lai. Một số nguyên tắc khác cũng được đưa ra đàm phán như: vì sự phát triển, đảm bảo lợi ích của doanh nghiệp nhỏ và vừa, nâng cao sức cạnh tranh, minh bạch hoá và thuận lợi hoá, mối quan hệ giữa các Hiệp định thương mại tự do FTA hiện hành và Hiệp định TPP và một số vấn đề khác. Các nước tham gia TPP đều thống nhất rằng Hiệp định TPP sẽ là một Hiệp định thương mại tự do hoá toàn diện, ở trình độ cao, có phạm vi điều chỉnh rộng. Hiệp định TPP sẽ đi xa hơn các thoả thuận thương mại tự do thông thường (FTA) để trở thành một mô thức mới cho hội nhập kinh tế quốc tế.

2.2. Cam kết về thương mại hàng hoá

Thứ nhất, về thuế quan.

Các nước tham gia TPP cam kết mở cửa thị trường có tiêu chuẩn cao, theo đó 100% số dòng thuế sẽ đưa về 0% ngay sau khi TPP có hiệu lực.

Thứ hai, cam kết về nhóm hàng dệt may.

Đây là nhóm hàng được Hoa Kỳ quan tâm nhất. Vì vậy, đàm phán về dệt may tức là đàm phán với Hoa Kỳ. Vấn đề đàm phán là cắt giảm thuế quan,

quy tắc xuất xứ, cơ chế giám sát và hải quan. Vì đối với Hoa Kỳ, dệt may cũng có vị trí quan trọng nên thuế nhập khẩu hàng dệt may chiếm khoảng 47% thuế nhập khẩu của Hoa Kỳ và do đó nếu bỏ thuế thì Hoa kỳ bảo hộ ngành dệt may bằng quy tắc xuất xứ.

Thứ ba, quy tắc xuất xứ.

Đây là quy định vừa thúc đẩy sản xuất của các nước thành viên TPP, vừa là sức ép đối với từng quốc gia thành viên không nhập khẩu những sản phẩm của nhau, nếu các nguyên nhiên vật liệu, phụ liệu đầu vào cho sản xuất có nguồn gốc xuất xứ từ các quốc gia không phải là thành viên TPP.

Thứ tư, nhóm hàng rào kỹ thuật trong thương mại.

Các quy định về TBT được đàm phán ở mức cao hơn so với quy định của WTO. Đề cao minh bạch hoá các tiêu chuẩn kỹ thuật, phương thức đánh giá sự phù hợp, mở rộng hợp tác với các diễn đàn khác như APEC, ASEAN, WTO,…

Thứ năm, nhóm biện pháp vệ sinh và an toàn thực phẩm (SPS).

Các thành viên đều thống nhất đàm phán các vấn đề SPS trên cơ sở các quy định của WTO nhưng với mức cam kết cao hơn như quy định rõ hơn về cách thức, thủ tục tiến hành, trao đổi thông tin, đánh giá mức độ rủi ro. Ngoài ra, SPS trong TPP còn đi vào xử lý một số nội dung liên quan như an toàn thực phẩm, an ninh lương thực, các bệnh dịch mới phát sinh, phát triển công nghệ, kiểm soát các mối nguy cơ và xử lý vấn đề khác biệt về trình độ phát triển giữa các nước tham gia,..

2.3. Cam kết về lao động và công đoàn

Đây là một trong những nội dung cam kết mới đối với Việt Nam, bởi lẽ trong các FTA trước đó, Việt Nam chưa bao giờ phải đàm phán về vấn đề này với tính chất là một thoả thuận bắt buộc phải thực hiện mang tính pháp lý.

Trong Hiệp định TPP, Hoa Kỳ yêu cầu đàm phán về lao động và công đoàn giống như trong các FTA mà Hoa Kỳ đã ký kết. Theo đó, phía Hoa Kỳ yêu cầu các thành viên TPP phải đáp ứng: (i) Tuân thủ các quyền lao động, trong đó có quyền tự do lập hội; (ii) Các vấn đề lao động và công đoàn phải được luật hoá; (iii) Khi có tranh chấp phải xử lý theo luật, giống như cơ chế giải quyết tranh chấp trong WTO; (iv) Nếu vi phạm sẽ bị trừng phạt thương mại.

2.4. Một số cam kết khác

Thứ nhất, cam kết về dịch vụ.

Hiệp định TPP đi theo cách "chọn-bỏ" (tức là mở cửa mọi dịch vụ, trừ các dịch vụ hạn chế), mang tính chất tự do hoá cao. Trong khi đó, tất cả các FTA mà Việt Nam đã tham gia đều đi theo cách tiếp cận "chọn-cho", nhưng chỉ được thực hiện đối với những dịch vụ đã mở cửa cho nước ngoài và với mức độ tự do hoá thấp hơn. Như vậy, khi tham gia TPP Việt Nam phải mở cửa sâu hơn một số lĩnh vực như dịch vụ viễn thông, dịch vụ tài chính, phân phối, sở hữu bất động sản, khoáng sản,… và phải mở cửa một số dịch vụ mới nhạy cảm như dịch vụ nghe nhìn, xuất bản, in ấn, mua sắm Chính phủ, tự do Internet,…

Thứ hai, cam kết về đầu tư.

Cam kết về đầu tư của TPP, về cơ bản có phạm vi bảo hộ và mức độ tự do hoá cao hơn nhiều so với nghĩa vụ tương ứng mà Việt Nam đã cam kết trong khuôn khổ các hiệp định hợp tác song phương và khu vực, đặc biệt là các quy định liên quan đến chế độ đối xử quốc gia (NT), đối xử tối huệ quốc (MFN),…

Thứ ba, mua sắm Chính phủ.

Đây cũng là lĩnh vực cam kết mới trong TPP. Các nước thành viên TPP đều phải cam kết mở cửa thị trường dịch vụ mua sắm Chính phủ cho nhau. Cụ thể là các thành viên TPP sẽ được tham gia đấu thầu gói thầu mua sắm của Chính phủ.

Thứ tư, chính sách cạnh tranh.

Các quy định về cạnh tranh trong Hiệp định TPP cũng tương đương với các quy định về cạnh tranh trong các Hiệp định FTA thông thường khác. Đối với các Hiệp định FTA mà Việt Nam đã tham gia thì cạnh tranh trong Hiệp định TPP có mức cam kết cao hơn.

Thứ năm, các vấn đề thương mại và môi trường.

Nhóm thương mại và môi trường gồm các nội dung: 1) Bảo vệ động thực vật hoang dã, đánh cá trên biển; 2) Bảo tồn đa dạng sinh học: 3) Chống di nhập sinh vật ngoại lai; 4) Biến đổi khí hậu; 5)Tự do hoá hàng hoá và dịch vụ môi trường.

Thứ sáu, sở hữu trí tuệ.

Các thành viên đàm phán TPP kỳ vọng xây dựng chương sở hữu trí tuệ "chất lượng cao" của TPP "thế kỷ 21". Tuy nhiên, mục tiêu này khác nhau đối với các nhóm thành viên có lợi đối lập, đó là nhóm ủng hộ bảo hộ sở hữu trí tuệ ở mức độ cao và nhóm không ủng hộ bảo hộ sở hữu trí tuệ ở mức cao và rốt cuộc là các thành viên đều khẳng định rằng cơ chế

bảo hộ sở hữu trí tuệ phải phục vụ phát triển kinh tế, xã hội bằng cách hậu thuẫn và đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp mình.

Thứ bảy, phòng vệ thương mại và vấn đề nền kinh tế phi thị trường (NME).

Một số nước thành viên muốn cam kết theo hướng tránh lạm dụng sử dụng công cụ phòng vệ thương mại để bảo hộ sản xuất trong nước.

Thứ tám, thoả thuận hoá và hợp tác hải quan.

Những vấn đề đàm phán trong Hiệp định TPP là: (1) Hợp tác hỗ trợ lẫn nhau về vấn đề hải quan; (2) Đơn giản hoá và hài hoà thủ tục hải quan; (3) Các biện pháp thuận lợi cho thương mại; (4) Cơ chế tham vấn lẫn nhau; (5) Trị giá Hải quan; (6) Quy tắc xác định trước (xuất xứ, trị giá, phân loại hàng hoá); (7) Thương mại phi giấy tờ; (8) Thủ tục Hải quan một cửa; (9) Thông quan trước khi hàng đến; (10) Quản lý rủi ro; (11) Giải phóng hàng hoá; (12) Hàng chuyển phát nhanh,… Về nguyên tắc, một khi đã là thành viên của TPP, Việt Nam phải chấp nhận các cam kết ở mức độ cao nhất giống như cam kết của các thành viên TPP khác.

3. Những kỳ vọng về tận dụng tác động tích cực và hạn chế tác động tiêu cực do tham gia TPP

Cần phải thừa nhận và nhận thức đúng rằng cơ hội và thách thức là hai vấn đề đối lập nhưng luôn chuyển hoá cho nhau. Cơ hội nếu được tận dụng tốt thì sẽ có nhiều tác động tích cực đến phát triển. Ngược lại, nếu không tận dụng tốt thì sẽ chuyển thành thách thức và sẽ có nhiều tác động tiêu cực hơn. Đồng thời, thách thức nếu có nhiều cải cách hữu hiệu thì sẽ tạo ra cơ hội mới cho sự phát triển và do đó càng giảm thiểu tác động tiêu cực trong thực tiễn.

3.1. Những tác động tích cực của Hiệp định TPP đối với Việt Nam

Cơ hội lớn trong việc tiếp cận và mở rộng thị trường của 11 quốc gia trong TPP. Việt Nam sau khi chính thức tham gia Hiệp định này hoàn toàn có cơ hội rất lớn trong việc tiếp cận và mở rộng XNK hàng hoá đối với các quốc gia thành viên TPP, bởi vì 100% dòng thuế sẽ đưa về 0% ngay khi Hiệp định TPP có hiệu lực. Đây là cơ hội lớn để tăng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Theo TS Võ Trí Thành, phó viện trưởng Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, xuất khẩu của Việt Nam có thể tăng thêm 68 tỷ USD (28,4%) và GDP có thể tăng thêm 36 tỷ USD (10,5%) vào năm 2025 so với kịch bản không tham gia TPP.

Các cam kết ở mức độ cao trong TPP sẽ vừa tạo điều kiện, vừa là sức ép buộc Việt Nam phải đẩy nhanh hơn quá trình cải cách thể chế kinh tế thị trường, từ đó góp phần phân bổ và sử dụng nguồn lực một cách hiệu quả hơn, thúc đẩy quá trình tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng chất lượng và hiệu quả.

Hiệp định TPP sẽ tạo cơ hội tích cực cho Việt Nam nhập khẩu công nghệ có chất lượng cao từ những nước phát triển trong TPP và nguyên nhiên vật liệu từ các quốc gia thành viên TPP. Đồng thời, Việt Nam có điều kiện thuận lợi trong thu hút đầu tư của các nước trong TPP.

Hiệp định TPP sẽ tạo ra cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn, toàn diện hơn vào mạng sản xuất, chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu. Các doanh nghiệp Việt Nam sẽ được hưởng lợi từ một môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch và dễ dự đoán (tiên liệu trước).

Tham gia TPP, dòng hàng hoá, dịch vụ đầu tư, thông tin, lao động,… giữa các nước tham gia TPP được tăng cường. Đặc biệt là việc ký kết giúp người dân tiếp cận được tốt hơn với các nhà cung cấp dịch vụ.

Tham gia TPP, Việt Nam có điều kiện tiến hành cải cách về cơ chế, thủ tục hành chính cũng như nhân lực, từ đó sẽ nâng cao tính cạnh tranh của nền kinh tế, hội nhập tốt hơn với cộng đồng quốc tế; Tạo điều kiện cho Việt Nam đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng, thực hiện công khai, minh bạch về mua sắm Chính phủ.

Tham gia TPP sẽ giúp Việt Nam có cơ hội phát triển nhanh hơn mà không bị kìm chế bởi các nước không cùng mục tiêu để có thể thoát ra khỏi các định chế hạn hẹp mang tính khu vực.

Ngoài những lợi ích kinh tế như trên, khi tham gia TPP Việt Nam còn có những lợi ích về chính trị, ví dụ như những định kiến về lịch sử, về chế độ chính trị sẽ dần được xoá bỏ và tăng vị thế của Việt Nam với các nước trong khu vực và thế giới.

3.2. Một số tác động tiêu cực chủ yếu

Các cam kết với mức cao có thể tạo ra những rào cản hạn chế xuất khẩu của Việt Nam. Chẳng hạn như quy tắc xuất xứ, các quy định kỹ thuật, quy định về lao động, môi trường.

Cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là nông sản chưa chế biến, khoáng sản và một số sản

phẩm công nghiệp nhưng chỉ là gia công, lắp ráp nên giá trị gia tăng rất thấp, giá cả không ổn định, khó bền vững và khó tăng trưởng nhanh. Điều này đòi hỏi phải đẩy nhanh tái cơ cấu và đổi mới mô hình tăng trưởng thương mại.

Nền kinh tế chuyển đổi nhưng vẫn ở trình độ thấp, sức ép lớn đối với cải cách thể chế, luật pháp và chính sách cho thích ứng với cam kết khi tham gia TPP.

Một số ngành sản xuất và dịch vụ của Việt Nam sẽ phải đối diện với sự cạnh tranh vượt trội từ các nước TPP khi mở cửa thị trường chăn nuôi, trồng bông, công nghiệp chế tạo, đường,… Mở cửa thị trường lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông,… Một loạt vấn đề nhạy cảm và khó khăn khác đối với Việt Nam như mua sắm Chính phủ, vấn đề lao động và công đoàn, quy tắc xuất xứ,… bởi lẽ, các vấn đề này Việt Nam chưa tham gia cam kết với bất kỳ nước nào.

Tóm lại, thực tế, qua hơn 7 năm chính thức là thành viên WTO đã chỉ ra rằng Việt Nam chưa tận dụng tốt cơ hội do WTO đưa lại và do đó nhiều cơ hội đã chuyển thành thách thức không hề nhỏ. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do những cải cách bên trong theo hướng phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế chưa đủ mạnh, còn nhiều cản trở gây ra không ít bất cập. Để tiếp tục đẩy mạnh hội nhập quốc tế nói chung, tham gia Hiệp định TPP nói riêng một cách bền vững và hiệu quả (mặc dù cho đến 1/2014, đàm phán chưa kết thúc, nhưng các thành viên tham gia đang kỳ vọng đến giữa năm 2014 sẽ kết thúc đàm phán), đòi hỏi Việt Nam phải tiếp tục tích cực cải cách mạnh mẽ và quyết liệt hơn chính mình cả về phía Đảng, Nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Theo đó, phải đẩy nhanh hoàn thiện thể chế kinh tế kể cả khung khổ pháp lý và chế tài thực thi để buộc các cơ quan hành pháp phải thực thi đúng những văn bản pháp quy đã ban hành. Nếu thiếu các chính sách vĩ mô bài bản, khoa học và những cải cách bên trong, không có sự trả giá cho cải cách, điều chỉnh, tái cơ cấu, không tôn trọng tự do hoá trong nền kinh tế thị trường,… thì không thể tận dụng được những tác động tích cực, cơ hội cũng như giảm thiểu thách thức, tiêu cực do TPP mang lại.❐

Tài liệu tham khảo:

Uỷ ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế (2010), *Đánh giá tính khả thi của việc tham gia của Việt Nam, kiến nghị chủ trương và giải pháp tham gia TPP*, Hà Nội.

Việt Nam với TPP: Cơ hội và thách thức, Thời báo kinh tế Việt Nam, trang 2, ngày 9/01/2014

Transpacific Partnership Agreement (TPP): Expectations and potential impacts on Vietnam

Abstract

TPP is a high-standared trade agreement covering all domains, such as goods and services commerce, investment, intellectual property, labour, environment, government procurement, etc. Members of TPP expect that, with the high-quality model (the same as WTO+), the agreement would bring sustainable benefit to member countries including Vietnam and at the same time help accelerating global liberalization. The articles cites out the main levels of commitment in the TPP, the expectations and chances, and the impacts – positive and negative – when Vietnam becomes a member of the TPP.

Thông tin tác giả:

**** Đỗ Đức Bình,** giáo sư, tiến sĩ.*

- Nơi công tác: Viện Thương mại và Kinh doanh quốc tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Thương mại và kinh tế quốc tế.

- Một số tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, Tạp chí Kinh tế và Phát triển,...

*****Nguyễn Tiến Long,** tiến sĩ*

- Nơi công tác: Học viện Chính trị - hành chính khu vực I

****** Hồ Trung Thành,** tiến sĩ*

- Nơi công tác: Viện Nghiên cứu Thương mại